

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN KRÔNG PẮC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 08/2024/HS-ST.

Ngày: 06/3/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Vinh.
- Các hội thẩm nhân dân:
 1. Ông Nguyễn Văn Hải
 2. Bà Trịnh Thị Oanh.
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nông Thị Lương, chức vụ: Thư ký TAND huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 06/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2024/HSST, ngày 06 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST - HS ngày 21 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phan Thị Thanh T. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nữ. Sinh ngày 12/7/1980. Nơi sinh: Tỉnh Bình Định. Nơi cư trú: Thôn A, xã P, huyện T, Bình Định. Nơi tạm trú: Thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Chỗ ở hiện nay: Không có nơi ở nhất định. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn 6/12. Con ông Phan Thanh H1 (đã chết) và con bà Nguyễn Thị Hồng L (đã chết). Gia đình bị cáo có 05 chị, em ruột, bị cáo là con thứ hai. Bị cáo không có chồng. Có 01 con, sinh năm 2002. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 17/12/2023, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Krông Pắc. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Ông Ngô Đình N, sinh năm: 1984 (Có mặt).
- Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà Lê Thị Bảo Q, sinh năm: 1986 (Có mặt).

Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Người làm chứng:

1. Ông Ngô Văn N1, sinh năm: 1974 (Có mặt).

Nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Anh Nguyễn Kim G, sinh năm: 1995 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Chị Nguyễn Thị Kim N2, sinh năm: 1995 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ dân phố 7, thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào cuối năm 2022, vợ chồng ông Ngô Đình N và bà Lê Thị Bảo Q cùng trú tại Thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk dành dụm được số tiền 30.000.000 đồng rồi để vào trong 01 hộp nhựa cất trên gác nhà mình. Sau khi cất tiền, bà Q kể lại cho Phan Thị Thanh T (là người chung sống như vợ chồng với ông Võ Văn L, sinh năm 1971, trú tại Thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là anh họ của ông N) biết việc gia đình bà Q cất tiền ở trên gác nhà mình. Đến khoảng tháng 4 năm 2023, T đến nhà bà Q chơi, bà Q nhờ T trông nhà giúp đi chợ. Lúc này, T nghĩ đến việc trước đó bà Q kể cho T nghe chuyện gia đình bà Q cất số tiền 30.000.000 đồng trên gác nên nảy sinh ý định trộm cắp để lấy tiền tiêu xài. T đi lên gác nhà bà Q và tìm thấy hộp nhựa bà Q đựng tiền, T mở hộp nhựa ra lấy trộm 16.000.000 đồng, số tiền còn lại T để lại trong hộp nhựa. Sau khi lấy tiền xong, T để lại hộp nhựa tại vị trí ban đầu chờ bà Q đi chợ về rồi T về nhà.

Ngày 07/5/2023, vợ chồng ông N bà Q phát hiện bị mất 16.000.000 đồng nhưng không kể sự việc cho ai nghe cũng không trình báo cơ quan Công an. Tuy nhiên, sau khi sự việc xảy ra, ông Ngô Văn N1 cư trú tại thôn C, xã H, huyện K, Đắk Lắk là anh họ của ông N và là em họ của ông L đến nhà ông L chơi và nói chuyện với T về việc thấy vợ chồng bà Q buồn nhưng không biết buồn chuyện gì. Lúc này, T kể cho ông N1 nghe việc bà Q bị mất 16.000.000 đồng. Sau đó, ông N1 kể lại cho vợ chồng bà Q nghe việc T biết gia đình bà Q bị mất 16.000.000 đồng. Nghi ngờ T đã trộm cắp tiền của mình nên bà Q đã trình báo sự việc đến Công an xã H. Quá trình làm việc, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đồng thời trả lại 16.000.000 đồng cho vợ chồng ông N, bà Q. Sau đó, T bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 17/12/2023, T bị bắt theo biên bản bắt người đang bị truy nã.

Cáo trạng số 07/CT-VKS-HS ngày 05/02/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc truy tố bị cáo Phan Thị Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Phản tranh luận: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như bản cáo trạng số 07/CT-VKS-HS ngày 05/02/2024. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phan Thị Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Phan Thị Thanh T từ 06 đến 09 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Ngô Đình N 01 hộp bằng nhựa, nhãn hiệu BERRY LION, màu xanh đen, có tay cầm màu vàng, kích thước (37 x 19 x 17)cm.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phan Thị Thanh T đã trả lại cho bị hại ông Ngô Đình N và bà Lê Thị Bảo Q số tiền 16.000.000 đồng. Ông N và bà Q đã làm đơn bãi nại và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề nghị HĐXX xem xét.

Bị cáo Phan Thị Thanh T không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Viện kiểm sát, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại ông Ngô Đình N, bà Lê Thị Bảo Q đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, phân trách nhiệm dân sự không yêu cầu bồi thường gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Các quyết định của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Krông Pắc, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc và hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố, điều tra thu thập chứng cứ vụ án đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan

tiền hành tố tụng, người tiền hành tố tụng. Do đó, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan tiền hành tố tụng, người tiền hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn thực tế khách quan, HĐXX xét thấy đã có đủ cơ sở pháp lý để chứng minh hành vi của bị cáo Phan Thị Thanh T phạm tội trộm cắp tài sản. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của ông N, bà Q trái pháp luật, ngoài ra hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến trật tự tại địa phương.

Xét về mặt ý thức: Bị cáo là người có khả năng nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo nhận thức được tài sản hợp pháp của ông N, bà Q được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm hại trái phép đều bị xử lý nghiêm minh. Mặc dù nhận thức được điều đó, song xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, muốn lấy tài sản của người khác để tiêu xài mà không phải lao động nên trong tháng 4/2023, tại Thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, lợi dụng sự sơ hở của ông N, bà Q, bị cáo Phan Thị Thanh T đã lén lút trộm cắp số tiền 16.000.000 đồng của gia đình ông N, bà Q để tiêu xài cá nhân. Sau khi phạm tội, để trốn tránh sự trừng trị của pháp luật nên bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương, gây khó khăn cho việc điều tra, tuy tố của các cơ quan tiền hành tố tụng huyện Krông Pắc. Sau khi bỏ trốn khỏi địa phương, bản thân bị cáo không có nơi cư trú ổn định. Với hành vi phạm tội và phần nhân thân của bị cáo đã nêu trên, HĐXX xét thấy cần xử lý nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới có tác dụng giáo dục bị cáo.

Tuy nhiên xét về nhân thân, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã trả

lại số tiền 16.000.000 đồng cho gia đình người bị hại nhằm khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, người bị hại ông Ngô Đình N và bà Lê Thị Bảo Q xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, HĐXX áp dụng điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Phân trách nhiệm dân sự:

- Trong quá trình điều tra, ông Ngô Đình N và bà Lê Thị Bảo Q đã nhận đủ số tiền 16.000.0000 đồng không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[4] Về vật chứng: Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc đã trả 01 hộp bằng nhựa, nhãn hiệu BERRY LION, màu xanh đen, có tay cầm màu vàng, kích thước 37 x 19 x 17 cm cho ông Ngô Đình N là chủ sở hữu.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Phan Thị Thanh T phạm tội trộm cắp tài sản, phần đề xuất mức hình phạt, xử lý phân trách nhiệm dân sự, vật chứng của vụ án là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

[6] Về án phí: Bị cáo Phan Thị Thanh T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Tuyên bố: Bị cáo Phan Thị Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt: Bị cáo Phan Thị Thanh T 06 (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 17/12/2023.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Ông Ngô Đình N và bà Lê Thị Bảo Q đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về vật chứng: Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc đã trả 01 hộp bằng nhựa, nhãn hiệu BERRY LION, màu xanh đen, có tay cầm màu vàng, kích thước 37 x 19 x 17 cm cho ông Ngô Đình N là chủ sở hữu.

[4] Về án phí: Buộc bị cáo Phan Thị Thanh T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk.
- Vụ giám đốc kiểm tra 1-TAND Tối cao.
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk.
- VKSND huyện Krông Pắc.
- Chi cục THADS huyện K
- Công an huyện Krông Pắc.
- Cơ quan THAHS huyện K.
- Bị cáo.
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

(Đã ký)

Trương Quang Vinh